

Số: **815** /QĐ-UBND

Đắk Nông, ngày **11** tháng 6 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc phê duyệt quyết toán hạng mục hoàn thành  
Công trình: Cụm công trình thủy lợi Gia Nghĩa; Hạng mục (gói thầu số 10):  
Xây lắp công trình Kè bờ Tây hồ Hạ; Hạng mục (gói thầu số 10a):  
Xây lắp công trình Kè bờ Đông hồ Hạ

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Thông tư số 10/2020/TT-BTC ngày 20/02/2020 của Bộ Tài chính,  
quy định về quyết toán dự án hoàn thành sử dụng nguồn vốn Nhà nước;  
Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 103/TTr-STC ngày  
04 tháng 6 năm 2020.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt quyết toán hạng mục hoàn thành:

1. Công trình: Cụm công trình thủy lợi Gia Nghĩa; Hạng mục (Gói thầu số 10): Xây lắp công trình Kè bờ Tây hồ Hạ; Hạng mục (gói thầu số 10a): Xây lắp công trình Kè bờ Đông hồ Hạ.

2. Chủ đầu tư: Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh.

3. Đơn vị thi công gói thầu xây lắp:

- Gói thầu số 10: Liên danh Công ty cổ phần xây dựng Hồng Đạt và Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và kinh doanh nhà Đắk Lắk.

- Gói thầu số 10a: Liên danh Công ty cổ phần xây dựng Hồng Đạt và Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và kinh doanh nhà Đắk Lắk.

4. Địa điểm xây dựng: Thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

5. Thời gian thi công: Khởi công 10/4/2013; Hoàn thành: 12/12/2019.

**Điều 2.** Kết quả đầu tư

2.1. Nguồn vốn đầu tư:

Đơn vị tính: Đồng

Nguồn	Được duyệt	Thực hiện	
		Đã thanh toán	Còn được thanh toán
<b>Tổng số</b>	<b>25.439.810.000</b>	<b>24.946.464.000</b>	<b>493.346.000</b>
- Trái phiếu Chính phủ	24.946.464.000	24.946.464.000	0
- Ngân sách	493.346.000	0	493.346.000

*h*

## 2.2. Chi phí đầu tư:

Đơn vị tính: Đồng

Nội dung	Tổng dự toán được duyệt	Giá trị quyết toán
<b>Tổng số</b>	<b>26.000.070.000</b>	<b>25.439.810.000</b>
- Chi phí xây dựng:	23.291.491.000	23.102.812.000
- Chi phí quản lý dự án:	281.943.000	251.064.000
- Chi phí tư vấn ĐTXD:	2.035.976.000	1.894.192.000
- Chi phí khác:	390.660.000	191.742.000
- Chi phí dự phòng:	0	0

Tổng chi phí đầu tư được quyết toán (*Bằng chữ*): Hai mươi lăm tỷ, bốn trăm ba mươi chín triệu, tám trăm mười ngàn đồng.

2.3. Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản: Không có.

2.4. Giá trị tài sản hình thành qua đầu tư:

Đơn vị tính: Đồng

Nội dung	Thuộc chủ đầu tư quản lý		Giao đơn vị khác quản lý	
	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi
<b>Tổng số</b>	<b>25.439.810.000</b>			
- Tài sản cố định	25.439.810.000			
- Tài sản lưu động	0			

**Điều 3.** Trách nhiệm của chủ đầu tư và các đơn vị liên quan

1. Trách nhiệm của Chủ đầu tư:

a) Được phép tất toán nguồn và chi phí đầu tư công trình là:

Đơn vị tính: Đồng

Nguồn	Số tiền	Ghi chú
<b>Tổng số</b>	<b>25.439.810.000</b>	
- Trái phiếu Chính phủ	24.946.464.000	
- Ngân sách	493.346.000	

b) Tình hình công nợ tính đến ngày 27/4/2016 (ngày khóa sổ lập báo cáo quyết toán):

- Số phải trả: 733.149.000 đồng.
- Số phải thu: 239.803.000 đồng.

(Chi tiết các khoản công nợ theo Phụ lục đính kèm)

c) Chịu trách nhiệm trước pháp luật, cơ quan thẩm tra quyết toán về tính pháp lý của hồ sơ quyết toán và tính đúng đắn của số liệu đề nghị quyết toán; tính chính xác của khối lượng do chủ đầu tư và nhà thầu, đơn vị tư vấn giám sát

h



nghiệm thu đưa vào báo cáo quyết toán; tính phù hợp của đơn giá do chủ đầu tư và nhà thầu đã thống nhất ghi trong hợp đồng và chất lượng công trình.

d) Chịu trách nhiệm thu hồi số tiền phải thu nêu trên nộp trả ngân sách nhà nước.

e) Sau khi toàn bộ dự án hoàn thành, chủ đầu tư tổng hợp giá trị quyết toán của công trình, hạng mục công trình vào báo cáo quyết toán toàn bộ dự án và xác định mức phân bổ chi phí chung cho từng hạng mục công trình thuộc dự án, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Trách nhiệm của đơn vị tiếp nhận tài sản: Được phép ghi tăng tài sản:

Tên đơn vị tiếp nhận tài sản	Tài sản cố định (đồng)	Tài sản lưu động (đồng)
<b>Tổng số</b>	<b>25.439.810.000</b>	
- Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	25.439.810.000	

3. Trách nhiệm của các đơn vị có liên quan:

a) Ban quản lý dự án, các đơn vị tư vấn giám sát, thi công: Chịu trách nhiệm trước pháp luật về chất lượng công trình, về khối lượng hoàn thành được nghiệm thu đưa vào báo cáo quyết toán.

b) Tổ chức, cá nhân thực hiện thẩm tra, thẩm định thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán, kết quả đấu thầu và người có thẩm quyền phê duyệt dự toán, tổng dự toán: Chịu trách nhiệm về tính đúng đắn của khối lượng, tính phù hợp của đơn giá trong hồ sơ báo cáo kết quả thẩm tra, thẩm định theo quy định của pháp luật.

4. Sở Tài chính chịu trách nhiệm về tính pháp lý và chính xác của kết quả thẩm tra trên cơ sở hồ sơ quyết toán do chủ đầu tư cung cấp.

5. Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu UBND tỉnh bố trí vốn thanh toán theo đúng quy định.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Đắk Nông và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *hs*

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, KTN, KTTH(Hg). **3**



**Trần Xuân Hải**

**PHỤ LỤC CHI TIẾT TÌNH HÌNH CÔNG NỢ**

**Công trình: Cụm công trình thủy lợi Gia Nghĩa; Hàng mục (Gói thầu số 10): Xây lắp công trình Kè bờ Tây hồ Hạ;**

**Hàng mục (gói thầu số 10a): Xây lắp công trình Kè bờ Đông hồ Hạ**

*(Kèm theo Quyết định số 845/QĐ-UBND ngày 11 tháng 6 năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông)*

ĐVT: Đồng

STT	Khoản mục chi phí	Giá trị quyết toán	Số đã thanh toán	Công Nợ		Ghi chú
				Nợ phải trả	Số phải thu	
	<b>Tổng số</b>	<b>25.439.810.000</b>	<b>24.946.464.000</b>	<b>733.149.000</b>	<b>239.803.000</b>	
<b>I</b>	<b>Chi phí xây dựng</b>	<b>23.102.812.000</b>	<b>22.656.503.000</b>	<b>476.445.000</b>	<b>30.136.000</b>	
1	Gói thầu số 10	11.693.007.000	11.723.143.000		30.136.000	
2	Gói thầu số 10a	11.409.805.000	10.933.360.000	476.445.000		
<b>II</b>	<b>Chi phí quản lý dự án</b>	<b>251.064.000</b>	<b>192.643.000</b>	<b>58.421.000</b>	<b>0</b>	
1	Gói thầu số 10	127.071.000	97.455.000	29.616.000		
2	Gói thầu số 10a	123.993.000	95.188.000	28.805.000		
<b>III</b>	<b>Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng</b>	<b>1.894.192.000</b>	<b>1.737.482.000</b>	<b>156.710.000</b>	<b>0</b>	
1	Chi phí khảo sát lập TKBVTC-DT	373.879.000	357.078.000	16.801.000	0	
2	Chi phí TKBVTC-DT	990.507.000	940.982.000	49.525.000	0	
3	Chi phí thẩm tra TKBVTC-DT	68.247.000	64.833.000	3.414.000	0	
4	Chi phí LCNT	106.350.000	106.007.000	343.000	0	
4.1	Gói thầu số 10	56.465.000	56.158.000	307.000		
4.2	Gói thầu số 10a	49.885.000	49.849.000	36.000		
5	Chi phí giám sát thi công xây dựng	355.209.000	268.582.000	86.627.000	0	
5.1	Gói thầu số 10	173.482.000	147.067.000	26.415.000		
5.2	Gói thầu số 10a	181.727.000	121.515.000	60.212.000		
<b>IV</b>	<b>Chi phí khác</b>	<b>191.742.000</b>	<b>359.836.000</b>	<b>41.573.000</b>	<b>209.667.000</b>	
1	Chi phí bảo hiểm công trình	150.169.000	359.836.000		209.667.000	
1.1	Gói thầu số 10	76.005.000	202.798.000		126.793.000	
1.2	Gói thầu số 10a	74.164.000	157.038.000		82.874.000	
2	Chi phí kiểm toán	22.270.000		22.270.000		
2.1	Gói thầu số 10	11.468.000		11.468.000		
2.2	Gói thầu số 10a	10.802.000		10.802.000		
3	Chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán	19.303.000		19.303.000		



